



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 18/04/2025 (Thứ Sáu)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
0.7	22:16	02:00	↗
3.2	05:29	08:15	↙
2.5	10:31	13:30	↗
3.3	15:11	18:15	↙
0.7	22:54	02:45	↗
3.1	06:38	09:30	↙

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	M.Tùng	SITC JIANGSU	8.4	172	17,119	P/s3 - CL6	03:30	//	A1-A3
2	T.Cần	XIN MING ZHOU 108	7.4	172	18,731	H25 - TCHP	04:00	Y/c MP, SR	A2-08
3	Hồng	CATLAI EXPRESS	9.4	172	18,848	P/s3 - CL C	06:00	//0930	A1-A3
4	Tân	STARSHIP DRACO	7.5	172	18,354	P/s3 - CL1	15:00	//1730	01-DT07
5	Phú	OLYMPIA	9.9	172	17,907	P/s3 - CL7	08:00	//1100	A1-A6
6	Thịnh - T.Hiến	JOSEPHINE MAERSK	10.6	217	30,166	P/s3 - CL5	11:30	//1430	A5-A6
7	P.Tuấn	JAKARTA VOYAGER	9.4	200	27,061	P/s3 - CL6	12:00	//1500	A1-A6
8	Nghị	MAERSK NESNA	9.8	172	25,805	P/s3 - CL4	12:00	//1500	A3-A5
9	Đào	HF SPIRIT	8.2	162	13,267	H25 - TCHP	13:00	SR	A2-08
10	A.Tuấn	EVER OUTDO	10.5	195	27,025	P/s3 - BP6	13:30	Thả neo, tăng cường dây	A1-A5
11	Quyển	KKD 5	3	57	398	P/s1 - CL2	15:00	//	01
12	N.Tuấn	CMA CGM ESCURIAL	9.5	205	32,200	P/s3 - CL3	14:30	//1730	A2-A5
13	Duyệt	ZHONG GU HUANG HAI	7.8	172	18,490	P/s3 - CL C	04:00	//0230	
14	Vinh	KMTC HAIPHONG	9	173	18,370	P/s3 - CL7	22:30	//0230	
15	V.Hoàng	YM HORIZON	6.2	169	15,167	P/s3 - CL4	22:00	//0230	
16	B.Long - N.Chiến	TASCO SAKORN	5.6	97	3,609	CR - P/S	06:00	QTCR	
17	B.Long - N.Chiến	REGATTA	5.9	181	30,277	P/S - CR	08:45	QTCR	
18	B.Long - N.Chiến	REGATTA	5.9	181	30,277	CR - P/S	17:30	QTCR	
19	Trung	SITC RENDE	8.8	172	18,848	P/s3 - CL1	03:30	// 00.30	A3-SG98
STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Tín	MANTA 8	2.5	57	399	P/s1 - TCCT	04:00		Tàu lai gỗ
2	V.Tùng	HAIAN ROSE	9.5	172	17,515	CM2 - P/s3	06:30	MP	KS-AWA

3	Quân - N.Thanh	ZIM AMBER	12.7	272	74,693	P/s3 - CM4	12:00	Y/c MT	A9-A10
4	Hoàn	MANTA 8	3.5	57	399	TCCT - P/s2	17:00		Tàu lai gỗ
5	Hà	MSC KUMSAL	9.4	334	91,649	SSIT - CM2	05:00	+HTXN, Shifting, y/c MT	MR-KS- AWA
6	T.Tùng - Đăng	ONE FRIENDSHIP	12.2	366	154,724	P/s3 - CM3	23:00	Y/c MT-VTX	MR-KS- AWA
STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	P.Hải	SAWASDEE XIAMEN	9.2	172	18,051	CL7 - P/s3	00:00	LT	A1-A6
2	V.Dũng	DONGJIN CONFIDENT	9.6	172	18,340	CL1 - P/s3	03:30	LT	A2-A5
3	Th.Hùng	MILLENNIUM BRIGHT	8	172	17,211	CL4 - P/s3	01:00	LT	01-DT07
4	P.Thành - Giang	ASL QINGDAO	8.7	172	18,724	CL C - P/s3	00:00	LT	A3-01
5	Nhật - Quyết	INCHEON VOYAGER	9.9	196	27,828	CL6 - P/s3	03:00	Cano DL,LT	A5-A6
6	N.Dũng	WAN HAI 373	10	204	30,676	BP6 - P/s3	07:00	LT	A5-A6
7	Sơn	INFERRO	9.2	172	19,035	CL C - P/s3	09:30	LT	A1-A3
8	P.Cần - M.Cường	SITC RENDE	9.2	172	18,848	CL1 - P/s3	17:30	LT	A1-A3
9	V.Hải	HAIAN BETA	9.4	172	18,852	CL7 - P/s3	10:00	LT	A3-A5
10	Đ.Long	WAN HAI 358	10.3	204	30,519	CL5 - P/s3	14:30	LT	A1-A3
11	P.Hùng	XIN MING ZHOU 108	8.4	172	18,731	TCHP - H25	13:00	SR	A2-08
12	Kiên	POS HOCHIMINH	8.4	173	18,085	CL4 - P/s3	15:00	LT	A3-A5
13	Khái	SITC JIANGSU	8.7	172	17,119	CL6 - P/s3	15:00	LT	A1-A6
14	N.Cường - Trung	YM CONSTANCY	8.4	210	32,720	CL3 - P/s3	17:00	Cano DL,LT	A1-A6
15	M.Hùng	KKD 5	3	57	398	CL2 - H25	01:00	SR	01
16	Thịnh	OLYMPIA	9	172	17,907	CL7 - P/s3	19:30	LT	A6-01
17	Q.Hùng - Tân	TENDER SOUL	8.8	186	29,421	CL5 - P/s3	00:00	Cano DL, LT	A2-A5
STT	Hoa tiêu	Tàu dờ	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đ.Toàn	WAN HAI 358	10.2	204	30,519	BP6 - CL5	00:30		A1-A6
2	K.Toàn - Uy	WAN HAI 373	10	204	30,676	CL3 - BP6	01:00	Thả neo, tăng cường dây	A2-A5